

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO

### Thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;  
Căn cứ Quy chế công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Ngân Sơn lập báo cáo thường niên năm 2022 với những nội dung như sau:

Tổ chức niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN**  
Năm báo cáo: **2022**

## PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

### I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Ngân Sơn**
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 0100100199 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2005, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 08/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.
- Vốn điều lệ: 112.020.030.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2022): 175.463.473.938 đồng
- Địa chỉ: Số 01 – Đường TS1 – Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 0222 6263 679
- Số fax: 0222 6263 686
- Website: [www.nganson.vn](http://www.nganson.vn) - Email : [nganson@nganson.vn](mailto:nganson@nganson.vn)
- Mã cổ phiếu: NST
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Ngân Sơn, tiền thân là Công ty nguyên liệu thuốc lá Bắc, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty thuốc lá Việt nam (Vinataba), được thành lập theo quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất chế biến, kinh doanh và xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá. Ngày 29/12/2006, Công ty chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà nội (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

### II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 1. Ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng trọt, thu mua, sơ chế tách cọng, chế biến sợi thuốc lá, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp;
- Kinh doanh thuốc lá bao, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho ngành thuốc lá; Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy, hải sản và hàng tiêu dùng.

## 2. Địa bàn kinh doanh

- Việt Nam;
- Một số thị trường quốc tế khác;

## 3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát - Giám đốc;

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị - Ban Giám đốc - Các phòng nghiệp vụ - Chi nhánh nguyên liệu - Phân xưởng sản xuất;

- Công ty con, công ty liên kết: Không có

## 4. Định hướng phát triển của Công ty

### - Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trở thành Công ty đại chúng đa sở hữu với các nhà đầu tư chiến lược mạnh về vốn và thị trường tiêu thụ;

Tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh và dịch vụ nguyên liệu thuốc lá tại thị trường Việt Nam và là nhà xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá hàng đầu của Việt Nam;

Nâng cao năng lực hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ một cách hiệu quả, đưa giá trị cổ phiếu trên thị trường chứng khoán ở mức cao tương xứng với các nguồn lực và tiềm năng của Công ty;

Tối ưu hóa lợi ích của các cổ đông;

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:** Công ty lựa chọn chiến lược *đa dạng hóa có liên quan*, trong đó, lấy sản xuất nguyên liệu thuốc lá làm hạt nhân chính.

- **Các mục tiêu phát triển bền vững:** Tiếp tục thực hiện chương trình STP trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

## 5. Các rủi ro

- Yếu tố thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp;
- Trong sản xuất công nghiệp, chi phí vật tư tăng cao ảnh hưởng đến giá thành sản xuất. Sản lượng chế biến nguyên liệu thuốc lá phụ thuộc nhiều vào đối tác;

## PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

### I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

- Sản lượng mua năm 2022 đạt 4.598 tấn bằng 80,7% kế hoạch năm 2022 và bằng 74,8% so CKNT;

- Sản lượng SXCN năm 2022 đạt 7.562 tấn thành phẩm bằng 88,6% kế hoạch năm 2022 và bằng 68,4% so CKNT;

- Sản lượng tiêu thụ năm 2022 đạt 4.626 tấn bằng 81,0% kế hoạch năm 2022 và bằng 77,3% so CKNT;

- Tổng doanh thu năm 2022 thực hiện đạt: 572.282 triệu đồng, bằng 93,1% so KH năm 2022 và bằng 86,8% so CKNT.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 9.015 triệu đồng bằng 128,6% kế hoạch năm 2022 và bằng 110,3% so CKNT.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSHBQ đạt 4,9% bằng 128,9% so kế hoạch năm 2022 và bằng 113,9% so CKNT.
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến 3% bằng 100% so kế hoạch năm 2022 và bằng 100% so CKNT.
- Thu nhập bình quân đạt 15,6 triệu đồng/ng/tháng, bằng 132,2% so kế hoạch năm 2022 và bằng 112,2% so CKNT.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách đạt 2.888 triệu, bằng 206% số với kế hoạch và bằng 215 % so CKNT.

## II. Tổ chức và nhân sự

### 1. Danh sách trong Bộ máy quản lý điều hành

TT	Họ và tên	Chức danh	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trình độ	Chuyên ngành
1	Nguyễn Nam Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Nam	20/10/1975	Việt Nam	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Chí Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty	Nam	06/12/1974	Việt Nam	Thạc sỹ	Nông nghiệp
3	Lê Quang Vịnh	Thành viên Hội đồng quản trị	Nam	30/12/1968	Việt Nam	Thạc sỹ	Nông nghiệp
4	Đỗ Điệp Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	Nam	20/08/1974	Việt Nam	Kỹ sư	Kinh tế vận tải
5	Trần Văn Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	Nam	13/09/1978	Việt Nam	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
6	Trần Anh Tâm	Trưởng Ban kiểm soát	Nam	24/10/1981	Việt Nam	Cử nhân	Kế toán
7	Ngô Thị Thu Phúc	Thành viên Ban kiểm soát	Nữ	15/09/1979	Việt Nam	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
8	Nguyễn Đình Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	Nam	15/10/1983	Việt Nam	Cử nhân	Kế toán
9	Trần Đăng Tuyết	Phó Giám đốc Công ty	Nam	22/02/1964	Việt Nam	Thạc sỹ	Kinh tế
10	Trần Phan Kiên	Phó Giám đốc Công ty	Nam	01/11/1981	Việt Nam	Thạc sỹ	Kỹ thuật nhiệt lạnh
11	Trần Quang Hà	Phó Giám đốc Công ty	Nam	23/06/1976	Việt Nam	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh
12	Phạm Thành Liêm	Kế Toán Trưởng	Nam	29/06/1976	Việt Nam	Cử nhân	Kế toán

( Tính đến thời điểm 31/12/2022)

### 2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Bầu bổ sung 02 Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024;
- 01 cá nhân không còn là Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024;
- Bỏ nhiệm 02 Phó Giám đốc Công ty;
- 01 Phó Giám đốc Công ty chuyển công tác về Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam;

### 3. Số lượng cán bộ nhân viên Công ty

TT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	Số lượng lao động	272 người	
	Nam	178 người	65%
	Nữ	94 người	35%

TT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Tỷ lệ %
<b>2</b>	<b>Hình thức hợp đồng lao động</b>	<b>272 người</b>	
	Không xác định thời hạn	235 người	86%
	Từ 12 đến 36 tháng	37 người	14%
	Dưới 12 tháng	0 người	0,0%
	Thử việc	0 người	0,0%
<b>3</b>	<b>Độ tuổi</b>	<b>272 người</b>	
	Từ 18 - 29 tuổi	32 người	12%
	Từ 30 - 39 tuổi	118 người	43%
	Từ 40 - 49 tuổi	97 người	36%
	Từ 50 - 60 tuổi	25 người	9%
<b>4</b>	<b>Trình độ</b>	<b>272 người</b>	
	Trên đại học	7 người	3%
	Đại học	69 người	25%
	Cao đẳng	11 người	4%
	Trung cấp	35 người	13%
	Công nhân kỹ thuật	103 người	38%
	Sơ cấp	40 người	15%
	LDPT	7 người	3%

(Số liệu tại thời điểm cuối năm 2022)

Tổng số lao động có hợp đồng 12 tháng trở lên thời điểm cuối năm 2022 là 272 lao động, giảm khoảng 12% so với đầu năm 2022. Số lao động giảm trong năm do chấm dứt HĐLĐ là 39 lao động, tuyển dụng mới 03 lao động.

### III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2022, Công ty Cổ phần Ngân Sơn không thực hiện đầu tư dự án xây dựng cơ bản nào và không có dự án đầu tư xây dựng cơ bản chuyển tiếp từ năm trước chuyển qua.

### IV. Tình hình tài chính

#### 1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	309.278.545.766	290.266.076.851	0.94
Doanh thu thuần	656.191.471.360	569.573.406.630	0.87
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.379.352.591	8.630.055.225	1.03
Lợi nhuận khác	125.628.228	384.852.678	3.06
Lợi nhuận trước thuế	8.504.980.819	9.014.907.903	1.06
Lợi nhuận sau thuế	6.638.773.702	7.104.541.703	1.07
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%	Dự kiến 3%	

## 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2021 điều chỉnh theo KTNN	31/12/2022	So sánh (%) 2022/2021
1	<b>Tổng tài sản, nguồn vốn</b>	<b>309.278.545.766</b>	<b>290.266.076.851</b>	<b>93,85</b>
2	<b>Các khoản phải thu (ngắn hạn + dài hạn)</b>	<b>130.732.715.452</b>	<b>144.569.995.551</b>	<b>110,58</b>
	<i>Trong đó: - Phải thu khách hàng</i>	<i>84.619.807.053</i>	<i>65.913.764.265</i>	<i>77,89</i>
	<i>- Phải thu khác</i>	<i>46.112.908.399</i>	<i>78.656.231.286</i>	<i>170,57</i>
3	<b>Các khoản phải trả (ngắn hạn + dài hạn)</b>	<b>134.469.487.631</b>	<b>114.802.602.913</b>	<b>85,37</b>
	<i>Trong đó: - Nợ vay</i>	<i>43.866.561.385</i>	<i>10.072.179.159</i>	<i>22,96</i>
4	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>56.817.171.645</b>	<b>40.273.954.415</b>	<b>70,88</b>
	<i>Trong đó: Kém mất phẩm chất</i>			
5	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>174.809.058.135</b>	<b>175.463.473.938</b>	<b>100,37</b>
	<i>Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>112.020.030.000</i>	<i>112.020.030.000</i>	<i>100,00</i>
6	<b>Tổng doanh thu thuần + tài chính + thu nhập khác</b>	<b>659.082.988.255</b>	<b>572.281.897.869</b>	<b>86,83</b>
	<i>Trong đó: Doanh thu thuốc lá, bánh kẹo</i>			
7	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.504.980.819</b>	<b>9.014.907.903</b>	<b>106,00</b>
8	<b>Các chỉ số tài chính</b>			
9	<b>Bố trí Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản cố định / Tổng tài sản	32,20%	28,03%	87,05
	Tài sản lưu động / Tổng tài sản	67,80%	71,97%	106,15
10	<b>Bố trí Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	52,50%	44,06%	83,92
	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	56,5%	60,45%	106,99
11	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,64	1,85	112,80
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,64	1,85	112,80
	Khả năng thanh toán nhanh	1,20	1,49	124,17
12	<b>Các chỉ tiêu sinh lợi</b>			
	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	1,30%	1,58%	121,54
	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,01%	1,25%	123,76
	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bq	2,56%	3,01%	117,58
	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	2,0%	2,37%	118,50
	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Nguồn vốn CSH bq	5,78%	6,11%	104,09

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2021 điều chỉnh theo KTNN	31/12/2022	So sánh (%) 2022/2021
	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH bq	4,51%	4,81%	106,65
<b>13</b>	<b>Các chỉ số khác</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	8,75	9,87	112,80
	<i>Số ngày 1 vòng quay</i>	<i>41,14</i>	<i>36,48</i>	<i>88,67</i>
	Vòng quay các khoản phải thu	5,01	4,14	82,63
	<i>Kỳ thu tiền bình quân</i>	<i>71,92</i>	<i>87,00</i>	<i>120,97</i>
	Vòng quay vốn lưu động	8,30	6,42	77,35
	<i>Số ngày 1 vòng quay</i>	<i>43,38</i>	<i>56,11</i>	<i>129,35</i>
	Vòng quay vốn kinh doanh	4,94	4,20	85,02
	<i>Số ngày 1 vòng quay</i>	<i>72,83</i>	<i>85,77</i>	<i>117,77</i>

## V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**1. Cổ phần:** Tổng có 11.202.003 cổ phần

### 2. Cơ cấu cổ đông

#### 2.1. Cổ đông trong nước:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước đến 16/10/2022:

- + Cổ đông nhà nước: 6.463.589 cổ phần
- + Tổ chức, cá nhân trong nước: 4.562.275 cổ phần
- + Tổ chức, cá nhân nước ngoài: 176.139 cổ phần

- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 6.463.589 cổ phiếu tương ứng với 64.635.890.000 đồng, chiếm 57,70 % vốn điều lệ.

- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long nắm giữ 722.640 cổ phiếu tương ứng với 7.226.400.000 đồng, chiếm 6,45 % vốn điều lệ.

- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn nắm giữ 681.346 cổ phiếu tương ứng với 6.813.460.000 đồng, chiếm 6,08 % vốn điều lệ.

- Công ty TNHH Một thành viên Viện Thuốc lá nắm giữ 566.101 cổ phiếu tương ứng với 5.661.010.000 đồng, chiếm 5,05 % vốn điều lệ.

- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa nắm giữ 436.468 cổ phiếu tương ứng với 4.364.680.000 đồng, chiếm 3,9 % vốn điều lệ.

- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn nắm 25.902 cổ phiếu tương ứng với 259.020.000 đồng, chiếm 0,23% vốn điều lệ.

- Các cổ đông khác nắm giữ 2.305.957 cổ phần tương ứng với 23.059.570.000 đồng, chiếm 20,59% vốn điều lệ.

#### 2.2. Cổ đông nước ngoài:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài đến hết 16/10/2022:

- + Cổ đông tổ chức: 13.600 cổ phần;
- + Cổ đông cá nhân: 194.303 cổ phần.

- Tổng số lượng nắm giữ của cổ đông nước ngoài: 207.903 cổ phần, chiếm 1,86% vốn điều lệ Công ty.

**2.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến 16/10/2022:**

**Ông Nguyễn Nam Giang:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.360.601 cổ phần

Trong đó Sở hữu nhà nước: 3.360.601 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ: 30%

**Ông Nguyễn Chí Thanh:** Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 1.347.530 cổ phần

Trong đó Sở hữu nhà nước: 1.120.200 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)

Sở hữu cá nhân: 3.290 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ: 12,03%

**Ông Đỗ Điệp Anh:** Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 722.640 cổ phần

Trong đó Sở hữu nhà nước: 722.640 cổ phần

(Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long)

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ: 6,45%

**Ông Trần Văn Thành:** Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 1.121.050 cổ phần

Trong đó Sở hữu nhà nước: 1.120.200 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)

Sở hữu cá nhân: 850 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ: 10,01%

**Ông Lê Quang Vịnh:** Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng nắm giữ: 638.814 cổ phần

Trong đó Sở hữu nhà nước: 638.514 cổ phần

(Đại diện phần vốn nhà nước của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam)

Sở hữu cá nhân: 300 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ: 5,7%

### 3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 31/08/2005: Chuyển thành Công ty Cổ phần Ngân Sơn.
- Ngày 08/09/2006: Tăng vốn điều lệ lên 27,9 tỷ đồng.
- Ngày 29/12/2006: Chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Ngày 09/08/2007: Tăng vốn điều lệ lên 30,33 tỷ đồng.
- Tháng 02/2008: Tăng vốn điều lệ lên 39,13 tỷ đồng.
- Năm 2010: Tăng vốn điều lệ lên 69,13 tỷ đồng.
- Tháng 11, 2012: Tăng vốn điều lệ lên 77,7 tỷ đồng.
- Tháng 03, 2014: Tăng vốn điều lệ lên 94,86 tỷ đồng.
- Tháng 12, 2014: Tăng vốn điều lệ lên 112,02 tỷ đồng

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5. Các chứng khoán khác: Không có

## VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

### 1. Tác động lên môi trường

TT	Tên chất thải	ĐVT	Lượng phát sinh	Phương pháp/cách thức xử lý	Lượng tuần hoàn, tái sử dụng
1	Nước thải	M3	2.784	Thu gom bể lắng tập trung Công ty và chuyển hệ thống xử lý tập trung Khu công nghiệp	3.094
	Nước thải công nghiệp	M3	278		
	Nước thải sinh hoạt	M3	2.506		
2	Chất thải rắn	Tấn		Ký hợp đồng thuê đơn vị chức năng xử lý	
	Chất thải rắn sinh hoạt	M3	1.255		
3	Chất thải nguy hại	Kg	990	Ký hợp đồng thuê đơn vị chức năng xử lý	

## 2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Sản lượng
1	Thành phẩm thuốc lá tách cọng	Tấn TP	5.171
2	Thành phẩm sợi thuốc lá	Tấn TP	2.391

## 3. Tiêu thụ năng lượng

TT	Loại nhiên liệu	ĐVT	Lượng sử dụng
1	Điện	Kw	2.442.616
2	Hơi	Kg	7.988.000

## 4. Tiêu thụ nước

Loại nhiên liệu	ĐVT	Lượng sử dụng
Nước	M3	30.936

## 5. Tuân thủ pháp luật về môi trường

5.1. Số lần vi phạm: Không có

5.2. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm: Không có

## 6. Chính sách liên quan đến người lao động

6.1. Số lượng lao động: 272 lao động, mức lương trung bình 15,6 triệu đồng/người/tháng.

6.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Năm 2022, Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương mới. Quy chế tiền lương mới thay thế quy chế tiền lương cũ không còn phù hợp, đáp ứng được các yêu cầu phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiền lương được trả theo vị trí, trình độ, chuyên môn và thời gian công tác, gắn liền với đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Hệ thống thang bảng lương phân định rõ, vị trí, chức vụ, trình độ và thời gian công tác. Ngoài ra, Quy chế



mới cũng thúc đẩy người lao động học tập nâng cao trình độ, chuyên môn để đảm nhận các vị trí có mức tiền lương, thu nhập cao hơn.

- Công ty hỗ trợ 100% chi phí mua bảo hiểm thân thể cho người lao động trong năm 2022.

- Thanh toán chế độ ốm đau theo quy định cho người lao động bị nhiễm Covid-19 phải nghỉ việc điều trị cho 158 hồ sơ với số tiền 316 triệu đồng.

- Công ty đã triển khai nộp hồ sơ đến Bảo hiểm xã hội huyện Tiên Du đề nghị giải quyết chế độ hỗ trợ thuê trọ đối với 44 người lao động đủ điều kiện với số tiền hỗ trợ là 66 triệu đồng.

- Thực hiện việc chuyển xếp lương cho người lao động Công ty và thực hiện đóng BHXH nặng nhọc độc hại cho người lao động trên 104 lao động đủ điều kiện.

### 6.3. Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân sự tiếp tục được quan tâm và tổ chức thực hiện trong đó chú trọng vào chiều sâu, chú trọng đào tạo những vị trí mà cá nhân còn thiếu, còn yếu hoặc chưa được đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn. Cụ thể, Công ty đã tổ chức 08 lớp đào tạo, số lượt học viên được đào tạo là 299 lượt học viên; lĩnh vực đào tạo tập trung vào đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, quản trị rủi ro. Kết quả đào tạo đã góp phần làm thay đổi tư duy, nhận biết của người lao động với vị trí công việc hiện tại và tương lai, giúp cho công việc được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả và chính xác hơn.

### 7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2022, Công ty đã tham gia các công tác liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương với tổng số tiền khoảng 260 triệu đồng cho các hoạt động như ủng hộ làm đường, khoan giếng tại khu vực huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Ủng hộ người nghèo tại các vùng trồng nguyên liệu; Phối hợp với Công ty thuốc lá BAT xây nhà tình nghĩa tại tỉnh Lạng Sơn.

## PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

#### 1. Đặc điểm tình hình

##### 1.1. Khó khăn

- Xung đột giữa Nga và Ukraine ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu, làm gián đoạn chuỗi cung ứng, giá nguyên vật liệu đầu vào trong nước tăng cao (giá phân bón tăng khoảng 30-35% so CKNT); Giá nhiên liệu tăng dẫn đến chi phí vận chuyển tăng làm tăng chi phí hoạt động doanh nghiệp và giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty.

- Dịch bệnh Covid-19 chưa có dấu hiệu chấm dứt, số ca nhiễm vẫn liên tục tăng, chính sách Zeto covid của Trung Quốc đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động giao thương, thương mại dẫn đến giảm sản lượng chế biến sợi của đối tác nước ngoài cũng như giảm sản lượng xuất khẩu; nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất.

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp năm 2022 chịu nhiều tác động bởi yếu tố thời tiết bất thuận, bao gồm: Giai đoạn trồng thời tiết rét đậm kéo dài đã ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng; Đặc biệt đến giai đoạn thu hoạch, hái sấy phải hứng chịu nhiều đợt mưa lớn, lũ quét xảy ra tại khu vực vùng trồng. Diễn biến thời tiết cực đoan đã tác động ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và sản lượng thu hoạch nguyên liệu vụ Xuân 2022. Mức độ thiệt hại do ảnh hưởng bởi lũ, lụt: diện tích bị mất trắng khoảng 10%, đối với diện tích còn lại bị ảnh hưởng giảm khoảng 20-30% năng suất thu hoạch.

- Thị trường thu mua nguyên liệu vụ Xuân 2022 cạnh tranh khốc liệt. Mức giá Công ty tiếp cận thu mua đã ở mức cao ngay từ đầu vụ thu mua và tăng cao đột biến, vượt xa mức

giá Công ty dự tính trong kế hoạch SXKD năm 2022 (cao hơn khoảng 15% -20% so kế hoạch).

- Sản phẩm thuốc lá lậu, thuốc lá điện tử thay thế sản phẩm thuốc lá truyền thống, việc dịch chuyển từ mức phổ thông sang sản phẩm trung và cao cấp tiếp tục là những thách thức, khó khăn đối với ngành sản xuất nguyên liệu.

### **1.2. Thuận lợi**

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, sự ủng hộ có hiệu quả của lãnh đạo Tổng công ty thuốc lá Việt Nam đối với hoạt động SXKD chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu. Đồng thời, Công ty cũng nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của các công ty Thuốc lá điều thông qua việc ký kết, triển khai thực hiện hợp đồng tiêu thụ nguyên tắc 3 năm, hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng mua bán nguyên liệu thuốc lá.

- Lãnh đạo và tập thể người lao động trong Công ty đồng lòng, quyết tâm cao và chủ động có các giải pháp thích ứng với những diễn biến thay đổi môi trường, điều kiện kinh doanh giúp Công ty duy trì sản xuất ổn định và đời sống, việc làm người lao động tiếp tục được cải thiện.

- Sự hợp tác truyền thống và duy trì phát huy tốt mối quan hệ giữa Công ty với chính quyền địa phương vùng trồng nguyên liệu, người dân trồng thuốc lá,... là thế mạnh của Công ty trong kinh doanh, góp phần ổn định sản xuất nông nghiệp là lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi cho Công ty.

## **2. Đánh giá các lĩnh vực hoạt động**

### **2.1. Tình hình thực hiện mục tiêu vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh trong trạng thái bình thường mới.**

Năm 2022, dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, Công ty đã chủ động phương án phòng chống dịch Covid-19, thường xuyên cập nhật thông tin chỉ đạo từ chính quyền địa phương và triển khai tới người lao động. Kiểm soát và yêu cầu người lao động tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về phòng chống dịch theo các văn bản chỉ đạo của chính quyền địa phương, tuyên truyền cho toàn thể người lao động nâng cao ý thức tuân thủ đúng các yêu cầu, khuyến cáo về thực hiện các biện pháp phòng chống dịch và luôn cảnh giác trong mọi tình huống đảm bảo việc vừa phòng dịch đạt hiệu quả vừa bố trí sản xuất kinh doanh trong trạng thái bình thường mới. Đến nay 100% lao động toàn Công ty đã được tiêm Vaccine phòng Covid-19 (276/276 lao động), trong đó có 4 lao động đã được tiêm 5 mũi; 218 lao động được tiêm 4 mũi, 52 lao động đang được tiêm phòng 3 mũi; lao động được tiêm 2 mũi là 2 lao động. Bên cạnh việc thực hiện duy trì phòng chống dịch, Lãnh đạo và Công đoàn Công ty đã có chính sách tạo điều kiện quan tâm, hỗ trợ đối với lao động bị nhiễm Covid-19 mức 2.000.000 đ/người đối với 158 trường hợp.

### **2.2. Lĩnh vực sản xuất, thu mua nguyên liệu**

- *Công tác sản xuất:* Chi phí đầu tư sản xuất tăng cao đột biến so CKNT do đứt gãy chuỗi cung ứng, giá phân bón tăng tăng khoảng 30-35%. Công ty đã chủ động hoạch định và chuẩn bị tốt cho giai đoạn sản xuất, tuy nhiên lĩnh vực SXNN năm 2022 chịu nhiều tác động bởi yếu tố thời tiết bất thuận, bao gồm: Giai đoạn trồng thời tiết rét đậm kéo dài trong tháng 2/2022 đã ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng; Đặc biệt đến giai đoạn thu hoạch, hái sấy, trong tháng 5/2022 phải hứng chịu nhiều đợt mưa lớn, lũ quét xảy ra tại khu vực vùng trồng. Diễn biến thời tiết cực đoan đã tác động ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và sản lượng thu hoạch nguyên liệu vụ Xuân 2022. Mức độ thiệt hại do ảnh hưởng bởi lũ, lụt: diện tích bị mất trắng khoảng 10%, đối với diện tích còn lại bị ảnh hưởng giảm khoảng 20-30% năng suất thu hoạch.

- *Diện tích đầu tư:* Diện tích đầu tư vụ Xuân 2022 Công ty thực hiện đạt 2.240 ha, bằng 100,2 so kế hoạch và bằng 103,0% so CKNT.

- *Công tác đầu tư và thu hồi đầu:* Tổng giá trị đầu tư vụ Xuân 2022 là 18.469,8 triệu đồng, trong đó giá trị đầu tư thu hồi là 18.247,4 triệu đồng và giá trị đầu tư không thu hồi là 222,4 triệu đồng. Các chi nhánh đã hoàn thành thu hồi đầu tư 100% giá trị đầu tư phải thu hồi.

- *Công tác thu mua nguyên liệu:* Thị trường thu mua nguyên liệu vụ Xuân 2022 diễn biến rất phức tạp và cạnh tranh khốc liệt. Do yếu tố sản lượng thu hoạch giảm, thị trường nguyên liệu có xu hướng cung không đáp ứng đủ cầu đã tác động tới hoạt động thu mua sản phẩm, đồng thời xu hướng tăng giá tại khu vực phía Nam đã tác động tới các khu vực phía Bắc, tại khu vực Bắc Kạn, Lạng Sơn là 2 vùng nguyên liệu của Công ty bị ảnh hưởng lớn về giá do đặc thù vụ thu hoạch chậm hơn phía Nam và vùng Cao Bằng. Mức giá khi Công ty tiếp cận thu mua đã ở mức cao ngay từ thời điểm Công ty bắt đầu thu mua và tăng cao đột biến, vượt xa mức giá Công ty dự tính trong kế hoạch SXKD năm 2022 (cao hơn khoảng 15% - 20% so kế hoạch). Ban chỉ đạo thu mua Công ty hoạt động hết sức tích cực, liên tục cập nhật thông tin tình hình thị trường thu mua để có những quyết sách kịp thời, đề xuất điều chỉnh khung giá mua phù hợp với từng đơn vị và từng giai đoạn. Đồng thời, luôn đồng hành cùng các chi nhánh để kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ chi nhánh đảm bảo mua được tối đa sản lượng và đẩy nhanh tiến độ mua, PCĐK giao nhận phục vụ sản xuất và tiêu thụ. Kết quả, sản lượng mua năm 2022 ước đạt 4.898 tấn nguyên liệu, bằng 85,9% so kế hoạch năm 2022 và bằng 79,7% so CKNT.

- *Về chất lượng:* Tỷ lệ cấp cao (BAT, VPM và cấp 2) toàn Công ty đạt bình quân 89% cao hơn so mức tối thiểu kế hoạch là 24% và tăng hơn so CKNT khoảng 21,2%. Hàm lượng Nicotine và đường trong lá thuốc năm 2022 đáp ứng được yêu cầu kế hoạch đề ra.

- *Chương trình xây mới và cải tạo lò sấy thoát ẩm qua đường ống khói:* Vụ Xuân 2022 Công ty triển khai kế hoạch đầu tư, cải tạo 461 lò sấy tại các khu vực vùng trồng. Kết quả thực hiện đạt 461 lò sấy, bằng 100% so kế hoạch và bằng 101,5% so CKNT. Lũy kế thực hiện từ khi triển khai đạt 1.632 lò mới đạt khoảng 30% so nhu cầu chuyển đổi toàn bộ lò sấy.

### **2.3. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp năm 2022 phải đối diện với nhiều thách thức do thiếu hụt nguồn hàng cho sản xuất. Dây chuyền tách cọng dừng sản xuất kéo dài từ tháng 10/2021 đến tháng 5/2022. Dây chuyền chế biến sợi sản xuất không thường xuyên, chỉ sản xuất các đơn hàng nhỏ lẻ của khách hàng và một phần sản lượng hàng của Công ty chủ động sản xuất.

Trước áp lực về giảm sản lượng sản xuất, duy trì việc làm, thu nhập cho người lao động, chi phí hạch toán trong sản xuất. Công ty xác định mục tiêu chủ động các nguồn lực sẵn sàng đáp ứng cho sản xuất, bố trí sản xuất tập trung, linh hoạt giữa 2 dây chuyền. Phát huy những hiệu quả trong việc tái cơ cấu, sắp xếp lao động của Phân xưởng sản xuất trong năm 2021, năm 2022 Công ty tiếp tục duy trì vận hành và bố trí sản xuất linh hoạt giữa 2 dây chuyền, tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của Công ty đảm bảo duy trì sản xuất và tiết giảm chi phí cho Công ty. Đồng thời, Công ty cũng chủ động có các giải pháp tìm kiếm và thương thảo với các khách hàng ký kết hợp đồng sơ chế tách cọng để gia tăng sản lượng sản xuất. Đơn giá dịch vụ cũng được Công ty thương thảo với các khách hàng điều chỉnh tăng khoảng 20-30% so với đơn giá năm 2021 để bù đắp chi phí đầu vào sản xuất tăng cũng như bù đắp một phần chi phí đảm bảo cho việc hạch toán do yếu tố sản lượng sản xuất giảm so CKNT giúp duy trì hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Năm 2022, Công ty đã thương thảo thành công với Công ty Liên doanh BAT – Vinataba trong việc chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ giao nhận nguyên liệu lá truyền thống sang giao nhận nguyên liệu mảnh tách cọng và được khách hàng đánh giá chấp thuận sản xuất tại dây chuyền tách cọng Công ty. Trong năm 2022 Công ty đã hoàn thành việc sản xuất và giao nhận xong toàn bộ sản lượng theo hợp đồng mua bán nguyên liệu tách cọng với Công ty liên doanh BAT- Vinataba, sản lượng thực hiện hợp đồng đạt 900 tấn thành phẩm tăng khoảng 3% so với kế hoạch. Đây là mốc chuyển biến lớn đối với Công ty trong năm 2022,

tạo cơ hội để Công ty gia tăng thêm được sản lượng SXCN trong năm 2022. Đồng thời, việc tiếp cận sản xuất thành công thành phẩm tách cọng cung cấp cho Công ty Liên doanh BAT – Vinataba giúp cho trình độ người lao động được nâng lên một bậc. Bên cạnh đó, Công ty cũng đưa vào áp dụng chuẩn của BAT để sản xuất các lô hàng cung cấp cho các khách hàng khác, qua đó ngày càng khẳng định được uy tín và vị thế của Công ty trong lĩnh vực SXCN. Ngoài ra, việc chuyển đổi phương thức giao nhận cho Công ty Liên doanh BAT – Vinataba còn giúp Công ty tiết giảm một phần chi phí trong hoạt động giao nhận hàng hóa so với những năm trước đây.

Song song với những giải pháp trên, sau khi kết thúc vụ thu mua Công ty đã có giải pháp điều chuyển dần lao động các Chi nhánh nguyên liệu về tăng cường cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Số lượng lao động các chi nhánh được điều chuyển về Phân xưởng đến tháng 9/2022 là 35 lao động giúp người lao động có thêm việc làm và thu nhập cũng như Công ty không mất khoản chi phí tiền lương trả cho lao động dịch vụ, đồng thời trong giai đoạn sản xuất với cường độ cao liên tục người lao động có điều kiện nghỉ luân phiên để phục hồi sức khỏe đảm bảo hoạt động dây chuyền tách cọng luôn được duy trì sản xuất ổn định năng suất, chất lượng đáp ứng tốt mục tiêu Công ty đã đề ra.

Mặc dù Công ty đã chủ động có các giải pháp để gia tăng sản lượng, tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất công nghiệp năm 2022 vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra. Sản lượng sản xuất công nghiệp năm 2022 thực hiện đạt 7.562 tấn, bằng 88,6% so kế hoạch năm 2022 và bằng 68,4% so CKNT. Trong đó, sản lượng tách cọng đạt khoảng 5.171 tấn TP, bằng 135,7% so kế hoạch và bằng 83,2% so CKNT; Sản lượng chế biến sợi ước đạt 2.391 tấn, bằng 50,6% so kế hoạch năm 2022 và bằng 49,3% so CKNT.

Nguyên nhân sản lượng sản xuất công nghiệp năm 2022 chưa đạt so với kế hoạch và giảm hơn CKNT chủ yếu do việc giảm sản lượng chế biến sợi từ đối tác nước ngoài ước thực hiện đạt khoảng 1.480 tấn thành phẩm, tương đương 37% kế hoạch năm 2022 và bằng 41,0% so CKNT. Đây là yếu tố khách quan nằm ngoài dự kiến của Công ty, cũng như ngoài mong muốn của khách hàng.

Trong năm 2022 Công ty đã đàm phán với đối tác HanChen trong việc chia sẻ những khó khăn đối với việc giảm sản lượng sản xuất từ đối tác, bao gồm tăng được đơn giá chế biến sợi từ đối tác và giảm chi phí thuê dây chuyền thiết bị. Đây là cơ hội để Công ty có điều kiện có thể khai thác thêm sản lượng chế biến sợi đối với các khách hàng khác cho những năm tiếp theo.

#### **2.4. Lĩnh vực tiêu thụ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Với những khó khăn từ việc giá nguyên liệu đầu vào tăng cao đột biến tăng khoảng 15-20% so với kế hoạch, tương đương giá thành thành phẩm tách cọng tăng khoảng 25-27%. Công ty đã chủ động có các giải pháp tiết giảm chi phí đảm bảo giá thành sản xuất hợp lý, đồng thời chủ động xúc tiến đàm phán ký kết hợp đồng với các Công ty Thuốc lá điều đảm bảo giá ký hợp đồng mua bán nguyên liệu bù đắp được một phần chi phí nguyên liệu đầu vào tăng cũng như đảm bảo hạch toán có hiệu quả cho Công ty. Bên cạnh đó, công tác giao nhận hàng hoá hoạt động hết sức tích cực và hiệu quả, hoàn thành việc giao nhận xong toàn bộ sản lượng theo hợp đồng nguyên tắc cho Công ty thuốc lá điều. Ngoài ra, Công ty luôn bám sát tình hình hoạt động của khách hàng để thực hiện dịch vụ ủy thác nhập khẩu nguyên liệu cho các Công ty Thuốc lá điều góp phần mang lại hiệu quả chung cho Công ty trong năm 2022.

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2022 của Công ty ước đạt 4.626 tấn, bằng 81,0% so kế hoạch và bằng 77,3% so CKNT.

Bên cạnh việc khai thác dịch vụ sản xuất từ lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ ủy thác nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá. Công ty tiếp tục thúc đẩy các hoạt động thương thảo với khách hàng để khai thác dịch vụ bảo quản hàng hóa đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có của Công ty, giúp gia tăng thêm nguồn thu cho Công ty mỗi tháng khoảng 1 tỷ đồng từ dịch vụ này.

### **3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn và thách thức trong năm 2022, tuy nhiên Ban điều hành đã chủ động đánh giá, dự báo và đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, duy trì ổn định hoạt động các lĩnh vực, kết quả sản xuất kinh doanh các chỉ tiêu chính có sự tăng trưởng so CKNT.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 9.015 triệu đồng bằng 128,6% kế hoạch năm 2022 và bằng 110,3% so CKNT. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động SXKD năm 2022 đạt 8.304 triệu đồng và lợi nhuận từ hoàn nhập trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi năm 2021 là 711 triệu đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSHBQ đạt 4,9% bằng 128,9% so kế hoạch năm 2022 và bằng 113,9% so CKNT.

- Tỷ lệ cổ tức dự kiến 3% bằng 100% so kế hoạch năm 2022 và bằng 100% so CKNT.

- Thu nhập bình quân đạt 15,6 triệu đồng/ng/tháng, bằng 132,2% so kế hoạch năm 2022 và bằng 112,2% so CKNT.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách đạt 2.888 triệu, bằng 206% số với kế hoạch và bằng 215 % so CKNT.

## II- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022 khoảng 290 tỷ đồng, giảm khoảng 6,2% so CKNT. Nguyên nhân chủ yếu là Công ty đã cân đối giữa sản lượng mua nguyên liệu và sản lượng tiêu thụ, giảm sản lượng hàng tồn kho.

Công tác thu hồi công nợ luôn được bám sát sau mỗi đợt giao nhận hàng hoá cho khách hàng và các lĩnh vực dịch vụ khác của Công ty. Về cơ bản trong năm 2022, Công ty không để phát sinh công nợ quá hạn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty đã thanh toán được khoản công nợ khó đòi trong năm 2021 giúp bảo toàn nguồn vốn Công ty và hoàn nhập trích lập dự phòng 711 triệu đồng ghi nhận vào kết quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

### 2. Tình hình nợ phải trả

Tổng số dư nợ phải trả đến ngày 31/12/2022 là 114.803 triệu đồng, trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 113.167 triệu đồng; trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là 4.699 triệu đồng; Phải trả ngắn hạn khác (trong đó có hàng ủy thác nhập khẩu): 78.899 triệu đồng; Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn: 8.436 triệu đồng; Số dư phải trả ngắn hạn còn lại là 21.133 triệu đồng.

- Nợ dài hạn (vay nợ thuê tài chính dài hạn): 1.636 triệu đồng.

## PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Đánh giá về hoạt động SXKD của Công ty

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tiếp tục đối diện với nhiều thách thức: Dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp; Ảnh hưởng xung đột giữa Nga và Ukraine làm gián đoạn chuỗi cung ứng, giá nguyên vật liệu đầu vào trong nước tăng cao (giá phân bón tăng khoảng 30-35% so CKNT), giá nhiên liệu tăng dẫn đến chi phí vận chuyển, chi phí hoạt động logistic tăng; Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chịu nhiều tác động bởi yếu tố thời tiết cực đoan (Giai đoạn trồng thời tiết rét đậm kéo dài đã ảnh hưởng đến sinh trưởng và

phát triển của cây trồng, giai đoạn thu hoạch, hái sấy phải hứng chịu nhiều đợt mưa lớn, lũ quét xảy ra tại khu vực vùng trồng. Mức độ thiệt hại do ảnh hưởng bởi lũ, lụt: diện tích bị mất trắng khoảng 10%, đối với diện tích còn lại bị ảnh hưởng giảm khoảng 20-30% năng suất thu hoạch); Thị trường thu mua nguyên liệu vụ Xuân 2022 cạnh tranh khốc liệt. Mức giá Công ty tiếp cận thu mua đã ở mức cao ngay từ đầu vụ thu mua và tăng cao đột biến, vượt xa mức giá Công ty dự tính trong kế hoạch SXKD năm 2022 (cao hơn khoảng 15% -20% so kế hoạch); Lĩnh vực sản xuất công nghiệp vẫn trong tình trạng thiếu nguồn hàng cho sản xuất ảnh hưởng đến công tác tổ chức và bố trí sản xuất, việc phân bổ chi phí vào giá thành sản xuất và đời sống việc làm người lao động.

Trước những thách thức phải đối diện như trên, Công ty đã phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất cao, sáng tạo, quyết liệt, tổ chức sản xuất kinh doanh thành công, an toàn, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, cụ thể như sau: Lợi nhuận trước thuế tăng 28,6% so kế hoạch năm 2022 và tăng 10,3% so CKNT. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSHBQ đạt 4,9% tăng 28,9% so kế hoạch năm 2022 và tăng 13,9% so CKNT. Tỷ lệ cổ tức dự kiến 3% bằng 100% so kế hoạch năm 2022 và bằng 100% so CKNT. Đặc biệt chỉ tiêu thu nhập bình quân tiếp tục được cải thiện đạt 15,6 triệu đồng/ng/tháng, tăng 32,2% so kế hoạch năm 2022 và tăng 12,2% so CKNT. Người lao động phấn khởi, tin tưởng, gắn bó với Công ty, đồng thuận với các chủ trương, định hướng hoạt động của Lãnh đạo Công ty. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2022 tuy vẫn còn khiêm tốn so với các doanh nghiệp trong Ngành nhưng thực sự đáng tự hào trong bối cảnh đặc biệt khó khăn của năm 2022. Công ty vẫn đảm bảo mức cổ tức theo kế hoạch và chăm lo tốt cho đời sống, thu nhập của người lao động.

## 2. Đánh giá về công tác tổ chức, nhân sự

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐUCPNS ngày 4/01/2021 của Đảng uỷ Công ty Cổ phần Ngân Sơn và Đề án số 285/ĐA-NST ngày 29/4/2021 của HĐQT về “Đổi mới, sắp xếp cơ cấu tổ chức, quản lý, quản trị theo hướng hiện đại nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD trong tình hình mới”.

Xây dựng và chuẩn hoá các chức danh chuyên môn kèm theo mô tả công việc tới từng vị trí người lao động trong Công ty với 163 chức danh công việc. Xây dựng và ban hành lại Quy chế tiền lương Công ty nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động về tiền lương và các chế độ cho người lao động. Đồng thời sắp xếp, định biên lại lao động tại các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc đảm bảo tinh gọn, một người làm nhiều việc, tăng năng suất lao động và tăng thu nhập cho người lao động. Công tác tiền lương có sự đổi mới, đặc biệt đối với các chi nhánh nguyên liệu, từ việc xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu nhiệm vụ để việc xây dựng quỹ tiền lương, quản lý chấm công và chi lương. So với năm 2021, mức khoán tiền lương bình quân người lao động các chi nhánh nguyên liệu đã tăng 6% (từ 8 triệu lên 8,5 triệu/người/tháng). Công ty tiếp tục thực hiện chi trả 100% tiền lương cho người lao động theo Quy chế tiền lương căn cứ trên ngày công thực tế, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu của chi nhánh và mức độ hoàn thành công việc của người lao động hàng tháng tạo động lực làm việc cho người lao động.

Thực hiện ký lại hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật lao động.

Tổng số lao động có hợp đồng 1 năm trở lên thời điểm cuối năm 2022 là 272 lao động, giảm khoảng 12% so với đầu năm 2022, năng suất lao động tiếp tục được nâng lên giúp thu nhập người lao động được cải thiện. Trong giai đoạn không có việc làm, Ban lãnh đạo Công ty đã có giải pháp liên hệ với những đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động, tạo điều kiện cho người lao động có thêm việc làm, thu nhập giúp duy trì ổn định bộ khung lao động, chủ động phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

### 3. Đánh giá về công tác đầu tư

Năm 2022, ngoài hoạt động đầu tư cho lĩnh vực sản xuất nguyên liệu là lĩnh vực mang lại giá trị cốt lõi cho Công ty. Trước những thách thức và khó khăn phải đối diện như đã nêu phần trên, Công ty đã tập trung các giải pháp để tháo gỡ khó khăn đảm bảo duy trì sản xuất ổn định và chưa ưu tiên cho hoạt động đầu tư khác.

### 4. Đánh giá về lĩnh vực tài chính

Năm 2022, lĩnh vực Tài chính tiếp tục được Công ty duy trì kiểm soát chặt chẽ từ việc giao khoán phí các đơn vị; thường xuyên rà soát, xây dựng và ban hành lại các chi phí, chi tiêu nội bộ một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát được duy trì đều đặn giúp Công ty kiểm soát tốt giá thành sản xuất và làm cơ sở thực hiện tốt công tác chống tiêu cực, lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, đặc biệt là các yếu tố đầu vào, chi phí kinh doanh, chi tiêu, sử dụng vốn, định mức tiêu hao trong sản xuất... để kịp thời nhắc nhở, tư vấn cho các đơn vị thực hiện đúng quy định đồng thời có giải pháp kịp thời trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị đảm bảo kế hoạch đề ra.

Thường xuyên rà soát giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung cấp nhưng vẫn bảo đảm chất lượng. Nghiên cứu, xem xét quản lý tập trung các nguồn lực nhằm giảm bớt các khâu trung gian trong hệ thống quản lý.

Bên cạnh đó, công tác thu hồi công nợ luôn được bám sát sau mỗi đợt giao nhận hàng hoá cho khách hàng và các lĩnh vực dịch vụ khác của Công ty. Đồng thời, Công ty đã chủ động liên hệ làm việc với Ngân hàng để giảm lãi suất, từ đó các ngân hàng đưa ra những gói hỗ trợ lãi suất áp dụng cho công ty, từ đó lãi suất vay vốn giảm từ 1 % đến 1,5 %/năm so với mức lãi suất chung của hệ thống ngân hàng giúp Công ty tiết giảm nhiều chi phí tài chính.

Năm 2022, công ty không có khoản vay ngân hàng nào bị khoanh nợ quá hạn, đáo hạn được nhiều khoản vay với lãi suất cao hơn. Chi phí tài chính Công ty thực hiện là 6.366 tỷ đồng (năm 2021: 6.310 tỷ đồng). Kết quả năm 2022 chi phí lãi vay ngân hàng tiết giảm được khoảng 1,5 tỷ đồng so với mặt bằng chung. Kết quả này đến từ sự cân đối hài hòa dòng tiền, nỗ lực đàm phán các mức lãi suất vay hấp dẫn, việc đẩy nhanh tiến độ sản xuất, giao hàng, thu tiền theo các hợp đồng đã ký.

Hoạt động tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán nhanh, thanh toán ngắn hạn đều được tiếp tục cải thiện so với các năm trước. Các chỉ số tài chính cơ bản ROE, ROA, ROS đều tăng phản ánh hiệu quả hoạt động tài chính trong năm.

### 5. Đánh giá về hoạt động phòng, chống dịch Covid 19

Năm 2022, dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, Công ty đã chủ động phương án phòng chống dịch Covid-19, thường xuyên cập nhật thông tin chỉ đạo từ chính quyền địa phương và triển khai tới người lao động. Kiểm soát và yêu cầu người lao động tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về phòng chống dịch theo các văn bản chỉ đạo của chính quyền địa phương, tuyên truyền cho toàn thể người lao động nâng cao ý thức tuân thủ đúng các yêu cầu, khuyến cáo về thực hiện các biện pháp phòng chống dịch và luôn cảnh giác trong mọi tình huống đảm bảo việc vừa phòng dịch đạt hiệu quả vừa bố trí sản xuất kinh doanh trong trạng thái bình thường mới.

## II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá cao Ban Giám đốc đã nỗ lực triển khai đồng thời nhiều giải pháp đồng bộ để giúp Công ty khắc phục được những khó khăn trong năm 2022. Đặc biệt là các chính sách quan tâm đến đời sống của người lao động, giúp người lao động yên tâm, gắn bó với Công ty và các biện pháp đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD, đảm bảo lợi nhuận,

cổ tức theo kế hoạch đề ra. Với các chỉ tiêu đạt được năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm tài chính 2022 do HĐQT giao.

### III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị định hướng tập trung chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các nội dung chính như:

- Tiếp tục sắp xếp bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tăng năng suất lao động.
- Cơ cấu lại các lĩnh vực SXKD hiện tại, tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực còn nhiều tiềm năng khai thác, duy trì và giữ ổn định các lĩnh vực ít cơ hội phát triển.
- Nghiên cứu xây dựng, áp dụng các quy trình, giải pháp tiên tiến trong hoạt động SXKD nhằm tiết giảm chi phí, giảm thiểu lãng phí trong tất cả các khâu, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ.
- Nghiên cứu triển khai các lĩnh vực mới mà Công ty có thể mạnh cạnh tranh nhằm tạo các động lực mới cho sự phát triển lâu dài của Công ty.
- Tiếp tục ưu tiên đào tạo, nâng cao sự tinh nhuệ của người lao động, đặc biệt là các lao động tại các vị trí chủ chốt, đòi hỏi kỹ thuật và kinh nghiệm cao.
- Đẩy mạnh nâng cấp hạ tầng hệ thống thông tin, từng bước thực hiện chuyển đổi số phù hợp với thực tại của doanh nghiệp, nắm bắt cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại để tạo sự bứt phá cho doanh nghiệp.
- Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng cần kiện toàn đội ngũ, tập trung mở rộng quan hệ đối tác, xác định các hướng đi lâu dài, bền vững cho Công ty.

## PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị

#### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Nguyễn Nam Giang	Chủ tịch HĐQT	3.360.601	
2	Nguyễn Chí Thanh	Thành viên HĐQT	1.347.530	
3	Đỗ Điệp Anh	Thành viên HĐQT	722.640	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
4	Lê Quang Vịnh	Thành viên HĐQT	638.814	Phó Văn phòng thường trực Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
5	Trần Văn Thành	Thành viên HĐQT	1.121.050	

#### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

##### 2.1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị



TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Nam Giang	Chủ tịch HĐQT	05/05	100%	
2	Ông Nguyễn Chí Thanh	Thành viên HĐQT	05/05	100%	
3	Ông Đỗ Điệp Anh	Thành viên HĐQT	05/05	100%	
4	Ông Đỗ Toàn Thắng	Thành viên HĐQT	02/05	40%	Không còn là TV HĐQT từ ngày 04/05/2022
5	Ông Lê Quang Vịnh	Thành viên HĐQT	03/05	60%	Bầu TV HĐQT từ ngày 24/05/2022
6	Ông Trần Văn Thành	Thành viên HĐQT	03/05	60%	Bầu TV HĐQT từ ngày 24/05/2022

## 2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022 vừa qua, Hội đồng quản trị tiếp tục bám sát các quy định về quyền hạn và trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình cũng như các yêu cầu, chỉ đạo của các cơ quan QLNN, cơ quan cấp trên để triển khai các hoạt động theo phương châm tuân thủ quy định của pháp luật; HĐQT luôn chủ động, sáng tạo, phối hợp, hỗ trợ Ban Giám đốc Công ty tìm kiếm các giải pháp ứng phó hiệu quả với các tình huống bất thuận xảy ra, phát huy tối đa điểm mạnh của Công ty, tối ưu hóa nguồn lực, tiết giảm chi phí để có thể vượt qua thách thức của thị trường.

Hội đồng quản trị sớm thống nhất quan điểm và kịp thời đưa ra các quyết sách, định hướng phù hợp làm cơ sở cho Ban Giám đốc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, nỗ lực, cố gắng hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra. Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty khắc phục các điểm yếu, đổi mới cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm mới; định hướng sắp xếp lại lao động theo tình hình hình thực tế của Công ty; tạo nhiều mối quan hệ tốt về đối nội, đối ngoại... để nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả, trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 36 các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo chính gồm 16 Nghị quyết, 20 Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

a) Đề xuất, tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến cổ đông, các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông năm 2022;

Trong bối cảnh làn sóng dịch bệnh Covid bùng phát mạnh trên cả nước (tháng 3, tháng 4), Công ty vẫn quyết tâm tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 5 năm 2022 để thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và quyết định các vấn đề quan trọng cho hoạt động của Công ty năm 2022. Hội đồng quản trị đã triệu tập họp, xây dựng chương trình, nội dung tài liệu để phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông đúng với quy định trong Điều lệ Công ty.

Căn cứ trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết của Công ty và có những định hướng, chỉ đạo cụ thể để Ban Điều hành triển khai thực hiện, quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt, đặc biệt là các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập của người lao động.

Trong năm, Hội đồng quản trị triển khai nghiêm túc việc thông tin đến các cổ đông và công bố đại chúng các mặt hoạt động của Công ty theo quy định. Các cổ đông đều được thông báo đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2022; Nghị quyết của các phiên họp thường kỳ, đột xuất hoặc nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm; Báo cáo tình hình quản trị bán niên và năm của Công ty; Báo cáo thường niên của Công ty... Mọi mặt hoạt động của Công ty cũng thường xuyên được cập nhật trên website của Công ty để các quý cổ đông quan tâm theo dõi, nắm bắt.

b) Giới thiệu nhân sự để đề cử bầu vào Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty. Cụ thể:

Hội đồng quản trị đã giới thiệu ông Trần Văn Thành – Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư chi bộ Quản lý sản xuất công nghiệp, Chủ tịch Công đoàn Công ty, Trưởng phòng Quản lý sản xuất công nghiệp được Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam cử là Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Ngân Sơn và ông Lê Quang Vịnh – Phó ban Ban kiểm tra, kiểm soát Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam được Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam cử là Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Ngân Sơn đề cử bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Kết quả, tại Đại hội, các cổ đông đã bầu ông Lê Quang Vịnh và ông Trần Văn Thành vào Hội đồng quản trị với tỷ lệ phiếu bầu đồng ý gần như tuyệt đối. Như vậy, sau Đại hội đồng cổ đông năm 2022, Hội đồng quản trị đã đủ số lượng 05 thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

c) Quyết định, chỉ đạo các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD;

- Quyết định kế hoạch SXKD năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Từ cuối năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã nhiều lần họp bàn, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022. Trên cơ sở định hướng và hỗ trợ của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, Hội đồng quản trị thống nhất đặt quyết tâm phấn đấu rất cao, thực hiện phương án SXKD với các chỉ tiêu cao nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kết quả thực hiện năm 2022, tuy một vài chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra nhưng dấu ấn là chỉ tiêu về lợi nhuận và thu nhập bình quân đều tăng trưởng hai con số so với kế hoạch và vượt so với CKNT.

- Quyết định khung giá thu mua nguyên liệu đầu tư, khung giá gia công, chế biến và các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị:

Trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty, HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã quyết định các khung giá thu mua, sản xuất, các giải pháp thị trường theo hướng mở biên linh hoạt, vừa tạo điều kiện hoạt động thông thoáng, đáp ứng với sự biến động nhanh của thị trường, vừa bảo đảm công tác quản trị về chiến lược, về giá thành và hiệu quả kinh doanh. Các quyết định kịp thời của Hội đồng quản trị đã giúp Ban Điều hành linh hoạt, chủ động điều tiết, nắm bắt các cơ hội, phát huy thế mạnh, thực hiện thành công các chỉ tiêu SXKD năm 2022.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty:

Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT thường xuyên bám sát các hoạt động SXKD của Công ty, tham gia họp và có các chỉ đạo cụ thể tại các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề của Ban Điều hành để từ đó có sự phối hợp, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả đối với Ban Điều hành, đặc biệt trong các hoạt động về tổ chức, nhân sự, hợp tác, ngoại giao, thị trường, tài chính, kế

hoạch, quản lý tài sản, ban hành quy chế, quy định... và thông qua đó thực hiện một cách thiết thực nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

đ) KIỆN TOÀN NHÂN SỰ CẤP CAO CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc là ông Trần Phan Kiên và ông Trần Quang Hà.

**3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

**4. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Không có

## II. Ban kiểm soát

### 1. Thông tin về Thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Trần Anh Tâm	Trưởng BKS	2	
2	Ngô Thị Thu Phúc	Thành viên BKS	0	Phó Ban kiểm tra, kiểm soát Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
3	Nguyễn Đình Dũng	Thành viên BKS	0	

### 2. Hoạt động của Ban kiểm soát

#### 2.1. Số lượng cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Trần Anh Tâm	02	100%	100%	
2	Ngô Thị Thu Phúc	02	100%	100%	
3	Nguyễn Đình Dũng	02	100%	100%	

#### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Ngân Sơn thông qua, trong năm 2022 Ban Kiểm soát đã thực hiện những nội dung công việc như sau:

- Thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty: gồm thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2021, Báo cáo tài chính bán niên 2022 và Báo cáo tài chính năm 2022;

- Lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, chương trình hoạt động năm 2022; đề xuất Công ty kiểm toán BCTC năm 2022 trình và đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Thường xuyên (hàng tháng, Quý hoặc đột xuất) kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT cũng như giám sát việc thực hiện của Giám đốc Công ty đối với các Nghị quyết chỉ đạo của HĐQT để đảm bảo tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được Giám đốc Công ty thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của Công ty cũng như

quy định của pháp luật (trong năm 2022, HĐQT đã ban hành 36 các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo chính gồm 16 Nghị quyết, 20 Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và cơ bản Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo quy định);

- Việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được Giám đốc Công ty thực hiện cụ thể theo từng tháng thông qua cuộc họp sản xuất giao ban hoặc thông qua chỉ đạo bằng văn bản các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện, đưa ra các vấn đề cụ thể theo từng lĩnh vực và đánh giá kết quả thực hiện theo tháng và yêu cầu làm rõ các vấn đề chưa làm được nhằm khắc phục để đảm bảo chỉ đạo được thông suốt và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị giao.

- Phối hợp với Tổ rà soát, đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất toàn Công ty thực hiện rà soát tài sản và đất toàn Công ty đảm bảo sử dụng đúng mục đích và hiệu quả; Cung cấp tài liệu và giải thích các vấn đề liên quan khi làm việc với KTNN; Phối hợp làm việc với đoàn kiểm tra giám sát của TCT; làm việc với kiểm toán độc lập liên quan đến soát xét BCTC bán niên, kiểm kê và lập BCTC năm.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tính hợp pháp trong việc vay vốn, sử dụng, bảo toàn vốn, tình hình trả nợ đảm bảo các khoản vay đều dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Công ty đã tìm kiếm và ký kết vay vốn với các ngân hàng có uy tín, lãi suất thấp giảm thiểu tối đa chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng vốn vay góp phần hoàn thành các mục tiêu của Công ty.

- Phối hợp HĐQT, các phòng ban sửa đổi các quy chế, quy định của Công ty để đảm bảo các hoạt động thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Qua việc thực hiện kiểm tra giám sát, Ban Kiểm soát đã kịp thời có những kiến nghị, đề xuất và được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc ghi nhận, thực hiện đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán.

### **III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách đã chi năm 2022: 694.731.094 đồng.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách và Ban Giám đốc hưởng lương theo quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty (theo đúng quy định tại nghị định, thông tư có liên quan).

#### **2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.**

#### **3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có**

**4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về quản trị công ty.

## **PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **I. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng

như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Theo phụ lục I đính kèm với báo cáo.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- TV HDQT;
- TV BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, Tký.HDQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Nam Giang



# PHỤ LỤC I: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-NST ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>208.918.410.584</b>	<b>209.678.545.167</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.995.042.174</b>	<b>3.681.143.165</b>
1. Tiền	111		3.995.042.174	3.681.143.165
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.569.995.551</b>	<b>130.732.715.452</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	65.913.764.265	84.619.807.053
2. Trả trước cho người bán	132		162.500.000	601.443.437
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	78.493.731.286	46.222.391.182
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7.1	-	(710.926.220)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.273.954.415</b>	<b>56.817.171.645</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	40.273.954.415	56.817.171.645
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.079.418.444</b>	<b>18.447.514.905</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.399.924.029	1.026.451.405
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.883.788.994	17.421.063.500
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	795.705.421	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>81.347.666.267</b>	<b>99.600.000.599</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.425.004.284</b>	<b>77.456.576.500</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	59.528.491.782	76.835.120.513
- Nguyên giá	222		317.003.642.950	313.609.643.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.475.151.168)	(236.774.523.241)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	896.512.502	621.455.987
- Nguyên giá	228		1.489.178.500	1.104.178.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(592.665.998)	(482.722.513)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.922.661.983</b>	<b>22.143.424.099</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	20.922.661.983	22.143.424.099
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>290.266.076.851</b>	<b>309.278.545.766</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-NST ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

**MẪU SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.802.602.913</b>	<b>134.469.487.631</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>113.166.513.334</b>	<b>127.894.307.579</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.699.542.970	16.408.622.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	539.501.743	4.293.706.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	-	1.710.220.920
4. Phải trả người lao động	314		14.210.916.627	16.726.063.117
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.923.988.346	3.990.654.383
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	78.899.474.852	45.133.790.482
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	8.436.089.580	37.491.381.343
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.456.999.216	2.139.868.763
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.636.089.579</b>	<b>6.575.180.052</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	1.636.089.579	6.575.180.052
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>18</b>	<b>175.463.473.938</b>	<b>174.809.058.135</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>175.463.473.938</b>	<b>174.809.058.135</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		112.020.030.000	112.020.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.351.574.000	16.351.574.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.715.474.223	35.227.504.031
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.961.610.970	3.961.610.970
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.414.784.745	7.248.339.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		310.243.042	609.565.432
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.104.541.703	6.638.773.702
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>290.266.076.851</b>	<b>309.278.545.766</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-NST ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

**MẪU SỐ B02 - DN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>569.573.406.630</b>	<b>656.191.471.360</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>569.573.406.630</b>	<b>656.191.471.360</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	21	479.014.995.152	558.388.619.250
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>90.558.411.478</b>	<b>97.802.852.110</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.300.321.421	2.749.448.487
7. Chi phí tài chính	22	23	6.365.743.516	6.309.917.798
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>5.431.788.575</i>	<i>6.241.594.676</i>
8. Chi phí bán hàng	24	24	16.137.688.181	18.665.567.942
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	61.725.245.977	67.197.462.266
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>30</b>	<b>27</b>	<b>8.630.055.225</b>	<b>8.379.352.591</b>
11. Thu nhập khác	31		408.169.818	142.068.408
12. Chi phí khác	32		23.317.140	16.440.180
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>384.852.678</b>	<b>125.628.228</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>9.014.907.903</b>	<b>8.504.980.819</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.910.366.200	1.866.207.117
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh</b>	<b>60</b>		<b>7.104.541.703</b>	<b>6.638.773.702</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>634</b>	<b>317</b>





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-NST ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn)

**MẪU SỐ B03 - DN**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.014.907.903	8.504.980.819
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.918.571.412	25.328.490.650
- Các khoản dự phòng	03	(710.926.220)	(639.073.780)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	70.235.828	886.178.682
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(113.113.507)	(326.357.282)
- Chi phí lãi vay	06	5.431.788.575	6.241.594.676
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.611.463.991	39.995.813.765
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.873.513.437)	3.079.196.386
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.543.217.230	13.986.669.031
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	15.759.757.446	(58.484.553.125)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	847.289.492	1.517.760.624
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.545.930.356)	(7.238.369.422)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.888.182.029)	(1.345.998.910)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.384.000	89.300.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(534.523.667)	(3.945.785.438)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	44.921.962.670	(12.345.967.089)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.594.667.217)	(5.300.643.811)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	120.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.750.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	113.113.507	206.357.282
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(6.481.553.710)	1.775.713.471
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	332.672.667.782	401.119.505.346
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(366.783.300.018)	(388.623.928.152)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.057.435.485)	(5.864.483.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(38.168.067.721)	6.631.094.094
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	272.341.239	(3.939.159.524)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	3.681.143.165	7.620.422.959
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	41.557.770	(120.270)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	3.995.042.174	3.681.143.165